

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ – TKV KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**  
**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

**Tổ chức thực hiện đấu giá**



**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội*

*Điện thoại: (084-4) 3941 2626 Fax: (084-4) 3934 7818*

**Tổ chức phát hành**



**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

*Địa chỉ: Số 304 đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh*

*Điện thoại: (084-33) 3715 066 Fax: (084-33) 3715 067*

**Tổ chức tư vấn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

*Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà TTXVN, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội*

*Điện thoại: (084-4) 3728 0921 Fax: (084-4) 3728 0920*

# MỤC LỤC

<b>I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>2</b>
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ....	2
2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV .....	2
3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN TÂN VIỆT .....	2
<b>III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG .....</b>	<b>3</b>
1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán.....	3
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần .....	4
2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán .....	4
2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá .....	5
2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động.....	5
<b>IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>6</b>
1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa .....	6
1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển .....	6
2. Ngành nghề kinh doanh.....	8
3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	9
3.1 Mô hình quản lý của công ty .....	9
3.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:.....	9
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần .....	11
4.1 Thực trạng lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	11
4.2 Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần .....	12
5. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa .....	12
6. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp .....	15
6.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp.....	15
6.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty .....	17
6.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty.....	19
7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh .....	20
7.1 Công ty mẹ .....	20
7.2 Công ty con .....	20
7.3 Công ty liên kết, liên doanh.....	20
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa .....	20
8.1 Tình hình hoạt động kinh doanh .....	20
8.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa .....	26

8.3	Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .....	30
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	31
9.1	Vị thế Công ty trong ngành .....	31
9.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	32
9.3	Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	33
<b>V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b>		<b>33</b>
1.	Thông tin chung về công ty cổ phần .....	33
2.	Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	33
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa.....	34
3.1	Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa.....	34
3.2	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa .....	35
4.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa .....	41
5.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa .....	41
5.1	Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa.....	41
5.2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa.....	43
5.3	Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch: .....	43
<b>VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA .....</b>		<b>44</b>
<b>VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>		<b>45</b>
1.	Rủi ro về kinh tế .....	45
1.1	Tăng trưởng kinh tế .....	45
1.2	Lạm phát .....	46
1.3	Lãi suất .....	46
2.	Rủi ro về pháp luật .....	47
3.	Rủi ro đặc thù .....	47
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	48
5.	Rủi ro khác.....	48
<b>VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG: .....</b>		<b>48</b>
1.	Chủ sở hữu vốn Nhà nước .....	48
2.	Tổ chức phát hành.....	48
3.	Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp .....	48
4.	Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.....	48
<b>IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN .....</b>		<b>49</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	11
Bảng 2.	Cơ cấu lao động sau cổ phần hóa.....	12
Bảng 3.	Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/04/2014 .....	13
Bảng 4.	Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng.....	15
Bảng 5.	Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 01/4/2015.....	17
Bảng 6.	Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 01/04/2015. .....	19
Bảng 7.	Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa: .....	20
Bảng 8.	Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa .....	20
Bảng 9.	Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa .....	22
Bảng 10.	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết .....	25
Bảng 11.	Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa .....	26
Bảng 12.	Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 1/4/2015.....	27
Bảng 13.	Chi tiết các khoản nợ vay.....	29
Bảng 14.	Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa.....	41
Bảng 15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa .....	43
Bảng 16.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau .....	44

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty .....	9
Hình 2.	Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa .....	35



## I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ Bán đấu giá cổ phần : Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV.
- ❖ Nhà đầu tư : Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- ❖ Ban chỉ đạo cổ phần hoá : Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV
- ❖ Công ty : Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV
- ❖ TKV : Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
- ❖ TVSI : Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ LNST : Lợi nhuận sau thuế
- ❖ VCSH : Vốn chủ sở hữu
- ❖ NPT : Nợ phải trả
- ❖ ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- ❖ GTDN : Giá trị doanh nghiệp
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CP : Cổ phần
- ❖ ATLĐ : An toàn lao động
- ❖ VSLĐ : Vệ sinh lao động
- ❖ PCCN : Phòng chống cháy nổ
- ❖ SXKD : Sản xuất kinh doanh
- ❖ CNTT : Công nghệ thông tin
- ❖ KPSN : Kinh phí sự nghiệp
- ❖ BCTC : Báo cáo tài chính
- ❖ XDCCB : Xây dựng cơ bản



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### 1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- ❖ Trưởng ban chỉ đạo - Ông Nguyễn Văn Hải – Thành viên HĐQT
- ❖ Phó Trưởng Ban - Ông Nguyễn Văn Biên – Phó Tổng Giám Đốc
- ❖ Phó trưởng ban thường trực – Kế toán trưởng Tập đoàn
- ❖ Và các thành viên khác theo quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc kiện toàn ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

### 2. Doanh nghiệp cổ phần hóa: CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

- Ông Nguyễn Văn Dậu Chức vụ: Chủ tịch Công ty
- Ông Vũ Văn Mạnh Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Bà Lê Thị Kim Dung Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

- Ông Nguyễn Việt Cường Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

*(Theo Giấy ủy quyền số 322/2013/UQ-TGD ngày 22/03/2013 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)*

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV do Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV cung cấp.



### III. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

#### 1. Căn cứ pháp lý về đợt chào bán

- ❖ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011;
- ❖ Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số chính sách đối với lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- ❖ Căn cứ Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT Hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- ❖ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu
- ❖ Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;



- ❖ Căn cứ Công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- ❖ Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-TKV ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-TKV ngày 17 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 2732/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc thành lập các Tổ chỉ đạo tiến độ tái cơ cấu các đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- ❖ Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-ĐCM ngày 03/02/2015 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV về việc thành lập Tổ công tác triển khai thực hiện cổ phần hóa công ty
- ❖ Căn cứ quyết định số 2729/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v kiện toàn Ban chỉ đạo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo quyết định số 314/QĐ-TTg;
- ❖ Căn cứ quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- ❖ Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH.một thành viên Địa chất mỏ - TKV (thời điểm 0h ngày 01/4/2015);
- ❖ Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-TKV ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ TKV thành công ty cổ phần.

## **2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần**

### **2.1 Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán**

- ❖ Tên tổ chức chào bán : Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV
- ❖ Trụ sở chính : Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- ❖ Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn)
- ❖ Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/ một cổ phần)
- ❖ Tổng số lượng cổ phần : 10.800.000 cổ phần (mười triệu tám trăm nghìn cổ phần)
- ❖ Số lượng cổ phần dự kiến chào bán : 4.026.800 cổ phần (tương đương với 37,28% vốn điều lệ)





- ❖ Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- ❖ Hình thức chào bán : Đấu giá cạnh tranh công khai
- ❖ Giá khởi điểm : 10.000đồng/cổ phần

## **2.2 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đấu giá**

### **2.2.1 Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc**

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

### **2.2.2 Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá**

- ❖ Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- ❖ Thời gian tổ chức đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

### **2.2.3 Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc**

Theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

### **2.2.4 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **2.2.5 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Cổ phần được đấu giá là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

## **2.3 Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần bán cho người lao động**

Cổ phần bán cho CBCNV được thực hiện qua 2 hình thức, cụ thể:

### **2.3.1 Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong Công ty**

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV chào bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác tính đến thời điểm Phê duyệt giá trị doanh nghiệp là 987.660cổ phần tương ứng 9,15% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

### **2.3.2 Cổ phần CBCNV mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty**

Số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV chào bán ưu đãi cho người lao động mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty là 277.540cổ phần tương ứng 2,57% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.



Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này “được xác định là giá đầu thành công thấp nhất.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

#### **IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

##### **1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa**

###### **1.1 Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa**

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ – TKV**
- Tên tiếng Anh : **VINACOMIN– MINING GEOLOGY COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt : **VMG**
- Địa chỉ : **Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh**
- Điện thoại : **033 3715 066**
- Fax : **033 3715 067**
- Mã số thuế : **5701436805**
- Website : **[www.minegeology.vn](http://www.minegeology.vn)**
- Email : **diachatmo@gmail.com**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, thay đổi lần 6 ngày 24/4/2015.
- Logo:



Logo của Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ Bộ KH-CN cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 146393 theo QĐ số 9250/QĐ-SHTT ngày 12/5/2010 và có thời hạn đến 07/10/2018.

- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 01/4/2015: 80.747.424.753 đồng (*Tám mươi tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm năm mươi ba đồng*)

###### **1.2 Lịch sử hình thành và phát triển**

- Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.



- Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.
- Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.
- Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CN Ng-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.
- Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.
- Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.
- Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS. Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).
- Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam



kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

- Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV.
- Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

## **2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5701436805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 27/10/2010 thay đổi lần thứ 06 ngày 06/04/2015, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác muối;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)



- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Phá dỡ;
- In ấn;
- Sửa chữa thiết bị.

### **3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu**

- Khoan thăm dò, phân tích mẫu, Đo địa vật lý lỗ khoan
- Khảo sát trắc địa
- Dịch vụ điều dưỡng sức khỏe bằng nguồn nước khoáng nóng

#### **3.1 Mô hình quản lý của công ty**

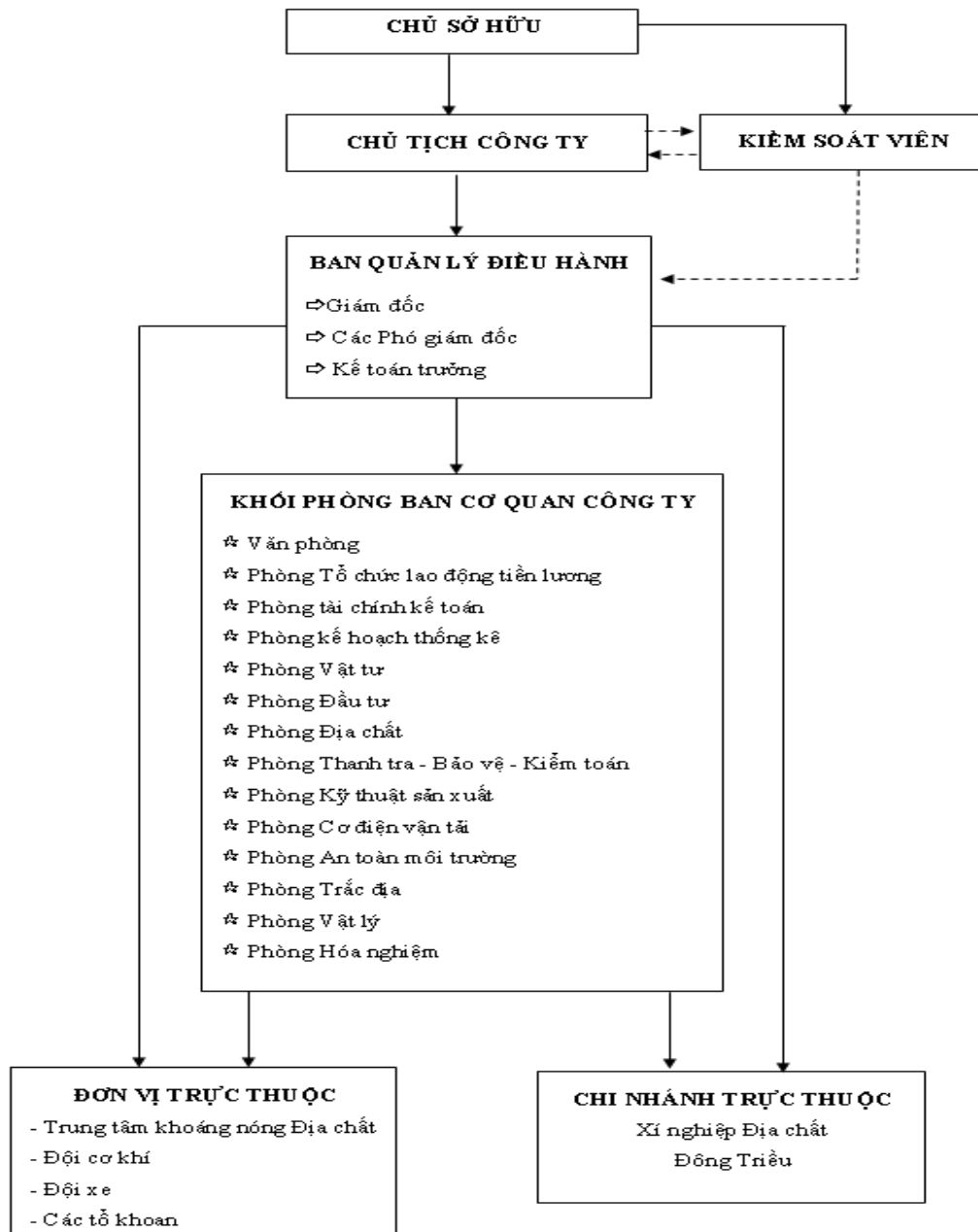
Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV gồm: Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên và các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban chức năng và các đơn vị và chi nhánh trực thuộc.

#### **3.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:**

**Hình 1. Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty**



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẠI THỜI ĐIỂM  
XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 01/04/2015**



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất mở – TKV)

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Địa chất mở – TKV gồm có:

- ❖ **Chủ tịch Công ty** : 01 người
- ❖ **Kiểm soát viên** : 01 người
- ❖ **Ban quản lý điều hành bao gồm** : 06 người
  - ✓ Giám đốc : 01 người
  - ✓ Phó Giám đốc : 04 người
  - ✓ Kế toán trưởng : 01 người



❖ **Các phòng ban chức năng bao gồm 14 phòng ban:**

- ✓ Văn phòng;
- ✓ Phòng Tổ chức lao động tiền lương;
- ✓ Phòng Tài chính kế toán;
- ✓ Phòng Kế hoạch thống kê;
- ✓ Phòng Vật tư;
- ✓ Phòng Đầu tư
- ✓ Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán
- ✓ Phòng Cơ điện vận tải
- ✓ Phòng Kỹ thuật sản xuất
- ✓ Phòng An toàn - Môi trường
- ✓ Phòng Địa chất
- ✓ Phòng Trắc địa
- ✓ Phòng Địa vật lý
- ✓ Phòng Hóa nghiệm

❖ **Các đơn vị trực thuộc: có 04 đơn vị gồm:**

- ❖ Trung tâm Khoáng nóng địa chất
- ❖ Đội cơ khí
- ❖ Đội xe
- ❖ Các tổ khoan

❖ **Chi nhánh trực thuộc**

- ✓ Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

**4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

**4.1 Thực trạng lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 1.107 người với cơ cấu như sau:

**Bảng 1. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>1.107</b>	<b>100%</b>
1	Trên đại học	03	0,27%
2	Đại học	265	23,94%
4	Cao đẳng, trung cấp	86	7,77%
5	Phổ thông trung học	40	3,61%



STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ
6	Công nhân kỹ thuật	713	64,41%
<b>II</b>	<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	<b>1.107</b>	<b>100%</b>
1	Lao động không xác định thời hạn	1.078	97,38%
2	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	7	0,63%
3	Viên chức quản lý	6	0,54
4	Lao động thời vụ	16	1,45%
<b>II</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>1.107</b>	<b>100%</b>
1	Nam	891	80,49%
2	Nữ	216	19,51%

(Nguồn: Phương án CPH - Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

#### 4.2 Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1987/QĐ-TKV ngày 06/10/2015 của Tập đoàn TKV. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần của Công ty là: 1.051 người. Cụ thể:

**Bảng 2. Cơ cấu lao động sau cổ phần hóa**

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
<b>I- Theo trình độ lao động.</b>	<b>1.051</b>	<b>100</b>
- Trên đại học	4	0,38
- Đại học.	270	25,69
- Trung cấp, cao đẳng	76	7,23
- Lao động phổ thông	30	2,86
- Công nhân kỹ thuật	671	63,84
<b>II- Phân theo hợp đồng lao động.</b>	<b>1.051</b>	<b>100</b>
- Hợp đồng không xác định thời hạn	1.030	97,99
- Hợp đồng thời hạn 1-3 năm.	5	0,48
- Hợp đồng thời vụ	16	1,53
<b>III- Phân theo giới tính.</b>	<b>1.051</b>	<b>100</b>
- Nam	846	80,49
- Nữ	205	19,51

(Trích Phương án cổ phần hóa – Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

#### 5. Giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa





Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-TKV ngày 17/8/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Than Khoáng sản Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/04/2015 và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/04/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV, giá trị thực tế tại thời điểm 0h ngày 01/04/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV cụ thể như sau:

- ❖ Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp
  - ✓ Giá trị sổ sách : 277.246.921.227 đồng
  - ✓ Giá trị xác định lại : 314.383.881.795 đồng
  - ✓ Chênh lệch : 37.136.960.568 đồng
- ❖ Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp
  - ✓ Giá trị sổ sách : 71.055.076.131 đồng
  - ✓ Giá trị xác định lại : 108.192.036.699 đồng
  - ✓ Chênh lệch : 37.136.960.568 đồng

**Bảng 3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại 0h ngày 01/04/2014**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>277.246.921.227</b>	<b>314.383.881.795</b>	<b>37.136.960.568</b>
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>89.212.439.078</b>	<b>118.901.874.150</b>	<b>29.689.435.072</b>
1. Tài sản cố định	43.794.631.527	73.388.797.599	29.594.166.072
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	43.794.631.527	73.388.797.599	29.594.166.072
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
<b>3. Chi phí XDCB dở dang</b>	24.166.642.699	24.166.642.699	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	21.251.164.852	21.346.433.852	95.269.000
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>186.206.613.687</b>	<b>186.206.613.687</b>	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.316.885.266	1.316.885.266	-
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	174.521.215	174.521.215	-
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	1.142.364.051	1.142.364.051	-
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	81.468.093.318	81.468.093.318	-



Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	103.367.400.770	103.367.400.770	-
5. Tài sản lưu động khác	54.234.333	54.234.333	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	-	<b>6.494.433.958</b>	<b>6.494.433.958</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>1.827.868.462</b>	<b>2.780.960.000</b>	<b>953.091.538</b>
<b>B. Tài sản không cần dùng</b> (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	<b>364.500.000</b>	<b>364.500.000</b>	-
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>364.500.000</b>	<b>364.500.000</b>	-
<b>3. Chi phí XDCB dở dang</b>	364.500.000	364.500.000	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>	-	-	-
<b>I. TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	-	-	-
1. Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-
- Nguyên giá	1.372.000.000	1.372.000.000	-
- Hao mòn lũy kế	(1.372.000.000)	(1.372.000.000)	-
2. Máy móc thiết bị	-	-	-
- Nguyên giá	3.422.019.569	3.422.019.569	-
- Hao mòn lũy kế	(3.422.019.569)	(3.422.019.569)	-
3. Phương tiện vận tải	-	-	-
- Nguyên giá	1.416.803.648	1.416.803.648	-
- Hao mòn lũy kế	(1.416.803.648)	(1.416.803.648)	-
4. Dụng cụ quản lý	-	-	-
- Nguyên giá	698.347.788	698.347.788	-
- Hao mòn lũy kế	(698.347.788)	(698.347.788)	-
<b>II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	-	-	-
- Nguyên giá	756.169.945	756.169.945	-
- Hao mòn lũy kế	(756.169.945)	(756.169.945)	-
<b>E. Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)</b>	<b>277.611.421.227</b>	<b>314.383.881.795</b>	<b>36.772.460.568</b>
<b>Trong đó:</b>			



Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>277.246.921.227</b>	<b>314.383.881.795</b>	<b>37.136.960.568</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>	<b>206.191.845.096</b>	<b>206.191.845.096</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN</b>	-	-	-
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]</b>	<b>71.055.076.131</b>	<b>108.192.036.699</b>	<b>37.136.960.568</b>

(Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 01/4/2015 để cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

## 6. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp

### 6.1 Tình hình đất đai của Doanh nghiệp

**Bảng 4. Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng**

STT	Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
1	Số 304 đường Trần, Phú, Cẩm Thành, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	6.865	Làm trụ sở làm việc	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2026	Hợp đồng thuê đất Số 406/HĐTĐ ngày 02/12/2013
2	Khu Đồi xôi phường Cẩm Thành, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	4.113,46	Trụ sở làm việc, đội xe (Khu Đồi Xôi)	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2017	Hợp đồng thuê đất Số 07/HĐ/TĐ ngày 21/01/1998
3	Km5 phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	7.462,4	Đất xây dựng trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 2056	Hợp đồng thuê đất Số 373/HĐTĐ ngày 18/11/2013
4	Km4 phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	35.522	Khu nghỉ dưỡng phục vụ CBCNV Tập đoàn và nhân	Đất thuê trả tiền hàng năm	Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh



STT	Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
			dân địa phương		Đang hoàn thiện Hợp đồng thuê đất
5	Tổ 127 phường Cẩm Sơn, Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh	6.581,02	Khu đất trung dụng xây dựng làng công nhân Địa chất 908	Đất thuê trả tiền hàng năm	(QĐ số: 1120/QĐ-UB ngày 12/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Trung dụng đất xây dựng)
6	Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	33.000	Khu đất xây dựng trụ sở làm việc, kho XN Địa chất Đông Triều	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đến 08/9/2053	Hợp đồng thuê đất Số: 28/HĐTĐ ngày 14/02/2014
7	Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	13.011,6	Khu đất thực hiện dự án cải tạo môi trường	Đất thuê trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê 30 năm đến 02/12/2044	Hợp đồng thuê đất Số: 114/HĐ-TD ngày 14/7/2015
8	Phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	5.348	Văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm	Đất có giấy chứng nhận QSD đất đến năm 2059	Giấy chứng nhận QSD đất số AP697061 ngày 30/10/2009
	<b>Tổng</b>	<b>111.903,48</b>			

(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

Lưu ý:

- Lô đất số 2 Khu đồi xôi, Công ty đã xin chuyển mục đích sử dụng làm Nhà ở tập thể cho CBCNV và đã được UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý và phê duyệt tại Quyết định số: 2777/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 V/v: Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tập thể cho CBCNV của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mở - TKV tại phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả. Sau cổ phần hóa, Công ty tiếp tục thuê đất để xây dựng Nhà ở tập thể cho CBCNV Công ty theo qui hoạch được duyệt.



- Lô đất số 4: Km4 phường Cẩm Thạch, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Công ty được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt diện tích đất theo quy hoạch để thực hiện dự án là 35.522 m<sup>2</sup>. Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện Hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê là 50 năm.
- Lô đất số 5: Tổ 127 phường Cẩm Sơn, Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh, tổng diện khu đất là 18.975 m<sup>2</sup>, trong đó: diện tích đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm là 6.581,02 m<sup>2</sup>, diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình là 12.393,98 m<sup>2</sup>. Công ty chưa có Hợp đồng thuê đất. Khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty tiếp tục thuê đất với UBND tỉnh Quảng Ninh để xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên với thời hạn thuê là 50 năm.
- Các lô đất do doanh nghiệp đang quản lý hiện tại không có tranh chấp, kiện tụng và Doanh nghiệp cũng không dùng để thế chấp vay vốn.
- Hầu hết các lô đất trên là đất thuê trả tiền hàng năm, khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm nên không xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp; Riêng lô đất số 7, xây dựng Văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm tại Phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông là đất có Giấy chứng nhận QSD đất và được Tư vấn định giá tăng 953.091.538 đồng khi xác định GTDN để CPH.
- Công ty đã có văn bản số 99/TCHC ngày 24/3/2015 gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về phương án sử dụng đất. Đến thời điểm Phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt, UBND tỉnh Quảng Ninh chưa có công văn trả lời về phương án sử dụng đất do Công ty trình. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để ký tiếp hợp đồng thuê đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất này khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

## 6.2 Tình hình tài sản cố định chủ yếu của Công ty

**Bảng 5. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 01/4/2015**

*Đơn vị tính: Đồng*



STT	Tên tài sản	Nguyên giá theo sổ kế toán	GTCL theo sổ kế toán	GTCL khi xác định lại GTDN
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>214.386.910.652</b>	<b>43.676.357.329</b>	<b>73.388.797.599</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	43.094.479.801	20.028.221.285	23.587.460.962
	<i>Trong đó (*):</i>			
	- Bàn giao về địa phương	1.372.000.000	0	0
	- Bàn giao cho Công đoàn	756.169.945	0	0
2	Máy móc thiết bị	115.668.601.582	16.950.649.188	33.388.624.207
	<i>Trong đó chờ thanh lý</i>	<i>3.422.019.569</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Phương tiện vận tải	54.493.531.481	6.697.486.856	16.244.588.232
	<i>Trong đó chờ thanh lý</i>	<i>1.416.803.648</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.130.297.788	118274198	168.124.198
	<i>Trong đó chờ thanh lý</i>	<i>698.347.788</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.066.728.304</b>	<b>1.827.868.462</b>	<b>2.780.960.000</b>
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-	-
<b>VI</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>24.166.642.699</b>	<b>24.166.642.699</b>	<b>24.166.642.699</b>
	<i>Trong đó chi phí XD CB dở dang không cần dùng (**)</i>	<i>364.500.000</i>	<i>364.500.000</i>	<i>0</i>
<b>VII</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>21.251.164.852</b>	<b>21.251.164.852</b>	<b>21.346.433.852</b>
	<b>Cộng</b>	<b>263.235.948.507</b>	<b>91.286.533.342</b>	<b>121.682.834.150</b>

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

- ❖ **Nhà cửa, vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc của công ty, đất xây dựng làm trung tâm thí nghiệm, nhà xưởng cơ khí, nhà ăn, nhà ở công nhân.
- (\*) - Nhà tập thể 5 tầng Công ty đang quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách: Nguyên giá: 1.372.000.000đồng, đã khấu hao: 1.372.000.000đồng. Theo quy định tài sản này được bàn giao cho địa phương quản lý. Công ty sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để bàn giao cho địa phương theo đúng quy định.
- Nhà rèn luyện thể chất cho công nhân của Công ty được hình thành từ quỹ phúc lợi: Nguyên giá 756.169.945 đồng, đã khấu hao 756.169.945 đồng. Tài sản này sẽ được bàn giao cho Tổ chức công đoàn của Công ty theo quy định.
- ❖ **Máy móc thiết bị:** Chủ yếu là các loại máy phục vụ hoạt động khoan, các loại máy móc thiết bị phục vụ cho công tác thăm dò, khảo sát trắc địa.



- ❖ **Phương tiện vận tải:** Chủ yếu là các xe ô tô vận tải chuyên dụng để vận chuyển các thiết bị khoan tự hành, vận chuyển vật tư, thiết bị, công cụ, dụng cụ khoan lên công trường thi công, một số xe ô tô con phục vụ điều hành, xe bán tải đi công trường chỉ huy sản xuất.
  - ❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:** là toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản cho Dự án khu nghỉ dưỡng đập nước Đá chông và dự án phí xây dựng khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại Yên thọ - Đông Triều Quảng Ninh.
- (\*\*) **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không cần dùng:** là chi phí xây dựng khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại Yên thọ - Đông Triều Quảng Ninh. Đây là các công trình phúc lợi của Tập Đoàn TKV được Tập đoàn TKV đầu tư bằng các quỹ và nguồn vốn xã hội hóa, giao Công ty là chủ đầu tư. Công trình này không tham gia vào hoạt động SXKD và đã được loại ra khỏi GTDN theo quy định. Khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty sẽ lập phương án và báo cáo Tập đoàn TKV xem xét về hình thức đầu tư, quản lý, sử dụng đối với công trình này theo đúng quy định của pháp luật..
- ❖ **Đối với tài sản chờ thanh lý:** Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý theo quy định. Trường hợp đến khi chuyển sang CTCP mà Công ty chưa thực hiện được việc thanh lý thì Công ty có trách nhiệm bàn giao về Công ty mẹ TKV theo quy định.

### 6.3 Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty

**Bảng 6. Tình hình tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn của Công ty tại ngày 01/04/2015**

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
<b>1</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.316.885.266</b>
<b>2</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>75.612.139.877</b>
<b>a</b>	Phải thu khách hàng (*)	75.062.184.107
<b>b</b>	Trả trước cho người bán	73.010.470
<b>c</b>	Phải thu khác	476.945.300
<b>d</b>	Dự phòng phải thu khó đòi	0
<b>4</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>103.367.400.770</b>
	<i>Trong đó: hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất (không đưa vào GTDN)</i>	<i>0</i>
<b>5</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>5.910.187.774</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>186.206.613.687</b>

(Nguồn: Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 01/4/2015 để cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

(\*) Khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 01/4/2015 của Công ty là rất lớn chiếm 40,3% trong tổng tài sản ngắn hạn. Trong đó, khoản phải thu của khách hàng Công ty Than Hòn Gai



– TKV là 53,615 tỷ đồng (chiếm 71,43% nợ phải thu khách hàng của Công ty). Công ty hiện đang không trích lập dự phòng phải thu khó đòi, cho thấy các khoản nợ hiện nay chưa bị tồn đọng trong thời gian dài.

## 7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, liên doanh

### 7.1 Công ty mẹ

#### Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn – Đống Đa – Hà nội

Điện thoại: 04.35180473 Fax : 04.35180425

Vốn điều lệ : 35.000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ vốn tại Công ty: 100%

### 7.2 Công ty con

Không có

### 7.3 Công ty liên kết, liên doanh

Không có

## 8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

### 8.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 8.1.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm:

**Bảng 7. Cơ cấu sản lượng của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6T/2015	Kế hoạch 2015
1	Khoan thăm dò	mét	142.853	115.194	118.970	64.207,7	112.000
2	Khảo sát trắc địa	ha	12.801	13.691	12.186	5.514,4	13.000
3	Báo cáo địa chất		7	7	5	2	

(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

**Bảng 8. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa**

T	Chỉ tiêu	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2014 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	6T/2015 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	520.184	100,00	422.755	100,00	432.885	100,00	106.629	100,00
a	Khoan thăm dò, NV địa chất khác	496.894	95,52	402.947	95,31	414.964	95,86	101.349	95,05





T T	Chỉ tiêu	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2014 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	6T/2015 (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
<i>b</i>	<i>Khảo sát trắc địa</i>	13.292	2,56	11.224	2,65	11.595	2,68	1.816	1,70
<i>c</i>	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	9.998	1,92	8.584	2,03	6.326	1,46	2.738	2,57
<i>d</i>	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	0		0		0	0	726	0,68
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>24.540</b>	<b>100,0</b>	<b>5.207</b>	<b>100,00</b>	<b>9.374</b>	<b>100,00</b>	<b>-420</b>	<b>100,00</b>
<i>a</i>	<i>Khoan thăm dò, NV địa chất khác</i>	23.577	96,08	4.614	88,61	8.838	94,28	-420	100,00
<i>b</i>	<i>Khảo sát trắc địa</i>	664	2,71	336	6,45	347	3,70	0	0
<i>c</i>	<i>Kinh doanh dịch vụ</i>	299	1,22	257	4,94	189	2,02	0	0
<i>d</i>	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	0		0		0	0	0	0

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ – TKV)

Công ty có 3 hoạt động chính phát sinh doanh thu là hoạt động khoan thăm dò, khảo sát trắc địa và kinh doanh dịch vụ. Trong đó: hoạt động khoan thăm dò đem lại nguồn doanh thu chính và luôn chiếm trên 95% tổng doanh thu của công ty. Hoạt động khoan thăm dò của công ty chủ yếu phục vụ các dự án khai thác than, khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trong Tập đoàn TKV, các doanh nghiệp ngoài TKV chiếm tỷ trọng rất nhỏ, do đó hoạt động này của Công ty sẽ biến động theo nhu cầu than. Những năm gần đây do giá than thế giới có xu hướng giảm, đồng thời giá than trong nước mất dần tính cạnh tranh khiến nhiều khách hàng của TKV chuyển qua sử dụng than nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động khoan thăm dò của công ty và doanh thu của công ty có xu hướng biến động thất thường hơn. Năm 2013 doanh thu công ty giảm 18,73% so với năm 2012, sau đó doanh thu 2014 cũng chỉ tăng nhẹ 2,39% so với năm 2013. Hoạt động khảo sát trắc địa, dịch vụ ngâm tẩm khoáng nóng, chiếm tỷ trọng doanh thu thấp nhưng xu hướng nhu cầu sử dụng đang gia tăng.

Cùng với đó lợi nhuận trước thuế của công ty năm 2013 giảm tới 78,78% so với năm 2012, và năm 2014 giảm 61,80% so với năm 2012. Trong nỗ lực cải thiện lợi nhuận thì những hoạt động ngoài khoan thăm dò chính là nguồn thu lợi nhuận ổn định và luôn gia tăng tỷ trọng. Để hoạt động công ty có lãi nhiều hơn, thì việc xem xét đánh giá từ đó đưa ra cơ cấu phù hợp giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh là cần thiết. Sáu tháng đầu năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang lỗ 420 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu là do đặc



thù công tác địa chất, các phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình còn dở dang chưa hoàn thành và chủ yếu được hoàn thành vào những tháng cuối năm, do vậy doanh thu 6 tháng đầu năm của Công ty thường thấp chỉ chiếm khoảng từ 18% đến 20% tổng doanh thu hàng năm (doanh thu 6 tháng đầu năm 2014 chiếm 18% so với doanh thu cả năm 2014), trong khi chi phí quản lý, chi phí lãi vay được ghi nhận trong kỳ phát sinh. Doanh thu sáu tháng đầu năm 2015 chỉ đạt 25% so với kế hoạch cả năm, nhưng sản lượng sản xuất về khoan và thăm dò đạt 57,3% so với kế hoạch cả năm, khảo sát trắc địa đạt 42,4% so với kế hoạch cả năm 2015, theo ước thực hiện của doanh nghiệp thì Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận trong năm 2015, ước khoảng 05 tỷ đồng.

### 8.1.2 Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Trong những năm qua, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế chung cũng chịu ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu liên tục biến động bất thường. Sự biến động của nguồn nguyên liệu của Công ty chịu sự ảnh hưởng biến động của giá cả xăng dầu, điện (đây là nguồn nguyên liệu chịu sự biến động liên tục). Giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu biến động tăng giảm sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các khách hàng truyền thống, có mối quan hệ lâu dài nên sự ổn định giá cả nguyên vật liệu là tương đối. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng được định mức dự trữ nguyên nhiên liệu phù hợp nên đảm bảo duy trì sản xuất diễn ra liên tục khi nền kinh tế có sự biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu.

### 8.1.3 Chi phí sản xuất

**Bảng 9. Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6T/2015	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	DTT	520.185		422.755		432.885		106.629	
2	Giá vốn hàng bán	448.151	86,2	375.518	88,8	379.843	87,7	83.649	78,5
3	Chi phí tài chính	16.700	3,2	11.320	2,7	7.122	1,6	2.576	2,4
4	Chi phí QLDN	33.964	6,5	27.896	6,6	37.088	8,6	21.118	19,8
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>498.815</b>	<b>95,9</b>	<b>414.734</b>	<b>98,1</b>	<b>424.052</b>	<b>98,0</b>	<b>107.343</b>	<b>100,7</b>

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập Quý II/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất mở – TKV)



Giá vốn hàng bán của công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 86% trong cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó phần lớn là chi phí khấu hao máy móc thiết bị.

Do đặc thù hoạt động sản xuất địa chất, các công trình, dự án thường có chu kỳ sản xuất dài, dẫn đến việc tổ chức nghiệm thu thanh toán vốn chậm, vòng quay vốn lưu động chậm trong khi nguồn vốn chủ sở hữu không dồi dào (giao động từ 69 tỷ đồng đến 80 tỷ đồng), Công ty phải huy động các nguồn vay và chiếm dụng vốn của các đối tác. Do đó Công ty đang phải chịu áp lực nhất định về chi phí lãi vay phải trả. Chi phí tài chính của Công ty cao, trung bình khoảng 11,5 tỷ đồng/ năm. Tuy nhiên cùng với sự hỗ trợ một phần về lãi vay từ TKV và nỗ lực tăng cường nội lực tài chính của công ty, chi phí tài chính của Công ty có xu hướng giảm dần, cụ thể: xét về giá trị tuyệt đối chi phí tài chính năm 2013 giảm 32,2% so với năm 2012, năm 2014 giảm 37,1% so với năm 2013; xét tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần, năm 2013 giảm 17% so với năm 2012, năm 2014 giảm 39% so với năm 2013. Tuy nhiên, tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty tăng 47% so với năm 2014 là do Công ty chưa phân bổ chi phí lãi vay cho những giá trị sản xuất địa chất dở dang trong kỳ.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: chiếm khoảng từ 6% đến 8% doanh thu thuần, cho thấy mức độ biến động từng loại chi phí qua các năm là không nhiều. Bên cạnh giá vốn hàng bán thì đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu chi phí. Xét về tỷ trọng của chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần có xu hướng tăng qua các năm; năm 2012 con số này là 6,5%; sau đó tăng dần lên 6,6% vào năm 2013 và 8,6% vào năm 2014. Là do công ty thực hiện tái cơ cấu năm 2014, giải thể các chi nhánh tập trung về Công ty dẫn đến chi phí quản lý tăng chủ yếu là yếu tố tiền lương của nhân viên quản lý), tuy nhiên chi phí quản lý phân xường lại giảm dẫn đến giá vốn giảm.

#### **8.1.4 Trình độ công nghệ**

Hiện nay Công ty đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước. Thiết bị khoan chủ yếu có xuất xứ từ Ca-na-đa, Nhật Bản và Trung Quốc, chủ yếu là thiết bị khoan sâu từ > 1.000 mét đến 1.800 mét, tổng số máy khoan có 54 bộ, đang hoạt động 48 bộ máy. Ngoài ra còn có các thiết bị phục vụ phân tích hóa nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn VILAS, 3 trạm đo địa vật lý của Anh, Nga và nhiều các thiết bị, phương tiện khác phục vụ cho công tác khảo sát, thăm dò.

Song song với công tác đầu tư thiết bị, Công ty luôn có chính sách ưu tiên tuyển dụng những kỹ sư trẻ được đào tạo chính quy chuyên ngành, liên kết đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề với các trường đào tạo nghề ở trình độ cao đẳng có chất lượng tốt. Công ty còn thường xuyên kết hợp với Trường Đại học mỏ Địa chất, Cao đẳng nghề Phúc Yên và thuê các chuyên gia nước ngoài, mở các lớp bồi dưỡng, trao đổi, ứng dụng, cập nhật kiến thức về công nghệ khoan thăm dò tiên tiến hiện nay, cho các kỹ sư, công nhân nâng cao trình độ để đáp ứng, giải quyết những yêu cầu cao của các đề án thăm dò đề ra.



Trong kế hoạch 5 năm, giai đoạn 2016 – 2020 với định hướng theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty đã xây dựng kế hoạch 5 năm, trong đó theo kế hoạch Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại phù hợp, đáp ứng mọi yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao đối với công tác khảo sát, thăm dò.

#### **8.1.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ:**

Công ty là đơn vị chuyên ngành cung cấp dịch vụ khoan thăm dò địa chất, khoáng sản, vì vậy sản phẩm chủ yếu là khoan thăm dò để có tài liệu địa chất phục vụ các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV, các dịch vụ như lập đề án, báo cáo địa chất, địa vật lý, phân tích mẫu là để phục vụ các dự án thăm dò được TKV giao cho.

Công tác thăm dò đòi hỏi cần phải có độ tin cậy cao, để có tài liệu địa chất chính xác phục vụ các dự án khai thác khoáng sản, tài liệu địa chất kém sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của việc đầu tư khai thác mỏ. Chính vì mức độ quan trọng của công tác thăm dò, để có tài liệu địa chất chính xác nhất thì việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là rất cần thiết, làm tốt công tác này sẽ tránh được những sai sót đối với việc cập nhật tài liệu địa chất.

Hiện nay hệ thống quản lý chất lượng thăm dò được thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên & Môi trường và các quy định của Tập đoàn TKV, như sau:

❖ Các đơn vị kiểm tra, giám sát ngoài Công ty:

- Đơn vị tư vấn: Là đơn vị lập đề án và giám sát chất lượng thi công.
- Chủ đầu tư: Là đơn vị được Tập đoàn TKV ủy quyền giám sát công trình
- Giám sát thi công: là đơn vị độc lập ngoài Tập đoàn TKV, được cơ quan chuyên ngành của Bộ Tài nguyên & Môi trường chỉ định.

❖ Kiểm tra, giám sát trong Công ty:

Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty là các kỹ sư địa chất, kỹ thuật thi công thường xuyên có mặt tại vị trí thi công khoan để cập nhật tài liệu địa chất và chỉ đạo việc tuân thủ quy phạm thăm dò để nâng cao chất lượng công trình.

Ngoài công tác giám sát của các đơn vị trên, theo quy định hiện hành các công trình khoan sau khi kết thúc thi công sẽ tiến hành đo kiểm tra chất lượng thăm dò, bằng phương pháp đo Địa vật lý Carota là thiết bị phản ánh khách quan về địa tầng, chất lượng vỉa khoan qua và các chỉ tiêu khác theo yêu cầu của đề án đề ra.

#### **8.1.6 Hoạt động Marketing**

Công ty là công ty con của Tập đoàn TKV, theo đó dịch vụ khoan, thăm dò địa chất của Công ty chủ yếu phục vụ thị trường nội bộ của TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV. Theo đó hoạt động marketing đối với dịch vụ này của Công ty chưa được chú trọng. Hoạt động marketing do Ban giám đốc thực hiện chưa phân xuống cấp phòng. Hiện tại, Công ty tập trung chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng ở mức tốt nhất và đáp ứng đúng tiến độ của chủ đầu tư nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Công ty. Bên cạnh



đó, Công ty đang thực hiện xây dựng thương hiệu của Công ty với các doanh nghiệp cùng ngành và tìm kiếm khai thác thêm các hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Đối với dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung gồm tắm khoáng nóng và xoa bóp dưỡng sinh. Trung tâm khoáng nóng của Công ty phụ trách việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ đến các công ty trong Tập đoàn TKV và người dân trong tỉnh Quảng Ninh.

### 8.1.7 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Hiện nay, Công ty đã có trên 20 đề tài, hàng trăm sáng kiến tiến bộ kỹ thuật có giá trị được áp dụng vào sản xuất, làm lợi trên hàng trăm tỷ đồng, trong đó tiêu biểu là các đề tài, sáng kiến như “sử dụng phụ gia dung dịch khoan LIQUI-POL để sản xuất dung dịch khoan, thay cho dung dịch sét bentonit, đất sét tươi dùng trong khoan thăm dò”, sáng kiến “giải pháp công nghệ thông tin VMG qua 02 phần mềm VMG 5.0 và phần mềm VMG-BAUXIT 5.0 trong công tác thành lập tài liệu địa chất”. Trong đó, phần mềm VMG 5.0 có Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục bản quyền tác giả chứng nhận số 3178/2009/QTG ngày 09/9/2009.

Logo của Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ Bộ KH-CN cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 146393 theo QĐ số 9250/QĐ-SHTT ngày 12/5/2010 và có thời hạn đến 07/10/2018.

Ngoài ra, Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty phải trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV hàng năm cho Tập đoàn.

### 8.1.8 *Các hợp đồng lớn*

#### **Bảng 10. Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

Một số hợp đồng lớn mà Công ty đang thực hiện:

TT	Số hợp đồng	Loại hình hợp đồng	Đối tác hợp đồng	Thời gian thực hiện	Nội dung hợp đồng	Giá trị (đồng)
1	Số 31/HĐ-TVD-ĐCM ngày 12/5/2015	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty CP than Vàng Danh - TKV	Đến 31/12/2015	Khoan thăm dò	50.829.993.878
2	Số 424/HĐ-VHGC ngày 30/10/2014	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Hòn Gai - TKV (Đề án thăm dò mỏ than Bình Minh)	Đến 31/12/2015	Khoan thăm dò	126.978.966.414
3	Số 242/HĐ-VHGC ngày	HĐ trọn gói không điều	Công ty than Hòn Gai - TKV	Đến 31/12/20	Khoan thăm dò	62.916.167.020



TT	Số hợp đồng	Loại hình hợp đồng	Đối tác hợp đồng	Thời gian thực hiện	Nội dung hợp đồng	Giá trị (đồng)
	01/8/2014	chính giá	( Đề án TD mở than Suối Lại)	15		
4	Số31B/HĐ-VTNC-ĐCM ngày 15/5/2015	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Thống Nhất - TKV	Đến 31/12/2015	Khoan thăm dò	17.126.300.111
5	Số 06/HĐKT-TUB-ĐCM ngày 23/1/2014	HĐ trọn gói không điều chỉnh giá	Công ty than Ưông Bí - TKV ( Đề án TD mở than Trảng Bách)	Đến 31/12/2015	Khoan thăm dò	129.387.347.448

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

## 8.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

**Bảng 11. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6T/2015
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	355.814	373.618	308.881	276.828
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Triệu đồng	69.098	76.022	80.747	80.327
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	58.181	62.000	80.747	80.747
4	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	246.933	257.457	210.083	190.494
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
5	Nợ dài hạn	Triệu đồng	39.783	40.140	18.050	6.007
	- Trong đó nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
6	Nợ phải thu	Triệu đồng	265.915	284.005	206.293	64.257
	- Trong đó Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	0	0	108	0
7	Tổng số lao động	Người	1.244	1.188	1.184	1.084
8	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	120.662	106.027	108.904	54.455
9	Thu nhập BQ người/tháng	Đồng	8.463.264	7.932.000	8.124.272	7.562.473
10	Tổng doanh thu	Triệu đồng	523.525	423.689	433.724	107.123
11	Tổng chi phí	Triệu	498.985	418.482	424.350	107.544



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6T/2015
		đồng				
12	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	24.540	5.207	9.374	-420
13	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.325	3.019	7.312	-420
14	Tỷ suất LNST/vốn CSH	%	26,52%	3,97%	9,06%	-0,52%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa - Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

❖ **Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại 01/04/2015**

**Bảng 12. Tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 1/4/2015**

Chỉ tiêu		Số sổ sách (VNĐ)	Số xác định lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>186.206.613.687</b>	<b>186.206.613.687</b>	-
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.316.885.266</b>	<b>1.316.885.266</b>	-
1.	Tiền	174.521.215	174.521.215	-
2.	Các khoản tương đương tiền	1.142.364.051	1.142.364.051	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>75.612.139.877</b>	<b>75.612.139.877</b>	-
1.	Phải thu của khách hàng	75.062.184.107	75.062.184.107	-
2.	Trả trước cho người bán	73.010.470	73.010.470	-
3.	Các khoản phải thu khác	476.945.300	476.945.300	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>103.367.400.770</b>	<b>103.367.400.770</b>	-
1.	Hàng tồn kho	103.367.400.770	103.367.400.770	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>5.910.187.774</b>	<b>5.910.187.774</b>	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	53.219.333	53.219.333	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.086.914.770	4.086.914.770	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.769.038.671	1.769.038.671	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	1.015.000	1.015.000	-
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>70.153.642.688</b>	<b>100.700.900.298</b>	<b>30.547.257.610</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-



Chỉ tiêu		Số sổ sách (VNĐ)	Số xác định lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>			
1.	Tài sản cố định hữu hình	43.794.631.527	73.388.797.599	29.594.166.072
-	Nguyên giá			
-	Giá trị hao mòn lũy kế			
2.	Tài sản cố định vô hình	1.827.868.462	2.780.960.000	953.091.538
-	Nguyên giá			
-	Giá trị hao mòn lũy kế			
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	24.531.142.699	24.531.142.699	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>21.251.164.852</b>	<b>27.840.867.810</b>	<b>6.589.702.958</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	21.251.164.852	21.346.433.852	95.269.000
2.	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	6.494.433.958	6.494.433.958
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>277.611.421.227</b>	<b>314.748.381.795</b>	<b>37.136.960.568</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>206.191.845.096</b>	<b>206.191.845.096</b>	<b>-</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>198.749.641.427</b>	<b>198.749.641.427</b>	<b>-</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	111.809.877.502	111.809.877.502	-
2.	Phải trả người bán	49.778.983.107	49.778.983.107	-
3.	Người mua trả tiền trước	-	-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	768.529.179	768.529.179	-
5.	Phải trả người lao động	25.202.446.928	25.202.446.928	-
6.	Chi phí phải trả	3.620.032.447	3.620.032.447	-
7.	Phải trả nội bộ Công ty Thống Nhất	-	-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.062.295.122	5.062.295.122	-
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.507.477.142	2.507.477.142	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7.442.203.669</b>	<b>7.442.203.669</b>	<b>-</b>
4	Vay và nợ dài hạn	7.442.203.669	7.442.203.669	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>71.419.576.131</b>	<b>71.419.576.131</b>	<b>-</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.747.424.753	80.747.424.753	





Chỉ tiêu		Số sổ sách (VNĐ)	Số xác định lại (VNĐ)	Chênh lệch (VNĐ)
2.	Thặng dư vốn cổ phần			
3.	Vốn khác của chủ sở hữu			
4.	Cổ phiếu quỹ			
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
6.	Quỹ đầu tư phát triển			
7	Quỹ dự phòng tài chính			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-9.327.848.622	-9.327.848.622	
II.	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>277.611.421.227</b>	<b>314.748.381.795</b>	<b>37.136.960.568</b>

(Nguồn: Trích Biên bản xác định GTDN của Công ty tại thời điểm 01/4/2015)

❖ **Tình hình vay nợ của Công ty qua các năm**

**Bảng 13. Chi tiết các khoản nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>119.398.701.353</b>	<b>115.239.851.843</b>	<b>81.072.508.767</b>	<b>102.778.675.677</b>
1	Vay ngân hàng(*)	94.731.880.077	104.207.152.356	81.072.508.767	98.374.675.677
2	Vay đối tượng khác	24.666.821.276	11.032.699.487	-	-
3	Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	4.404.000.000
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>39.782.995.662</b>	<b>40.139.605.254</b>	<b>18.050.432.229</b>	<b>6.007.200.000</b>
1	Vay ngân hàng(**)	11.727.706.387	14.510.058.387	11.376.200.000	6.007.200.000
2	Vay đối tượng khác	28.055.289.275	25.629.546.867	6.674.232.229	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>159.181.697.015</b>	<b>155.379.457.097</b>	<b>99.122.940.996</b>	<b>108.785.875.677</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập Quý II/2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

(\*) Tính đến 30/06/2015 số dư nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng là 98.374.675.677 đồng, chi tiết như sau:



1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Quảng Ninh	20.653.094.887
2	Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	20.243.043.609
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Quảng Ninh	29.260.678.578
4	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Quảng Ninh	28.217.858.603
	<b>Tổng</b>	<b>98.374.675.677</b>

(\*\*) Tính đến 30/06/2015 số dư nợ vay dài hạn tại các ngân hàng là 6.007.200.000 đồng, chi tiết như sau:

1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Quảng Ninh	2.902.200.000
2	Ngân hàng TMCP Công thương Cẩm Phả	3.105.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>6.007.200.000</b>

### 8.3 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

#### 8.3.1. Thuận lợi

Công ty có truyền thống gần 60 năm hoạt động chuyên ngành thăm dò địa chất, cơ sở hạ tầng, thiết bị đầu tư hiện đại đồng bộ được bổ sung thường xuyên, cùng với các kỹ sư chuyên ngành có đủ trình độ, kinh nghiệm, đội ngũ công nhân lành nghề có tay nghề cao thực hiện tốt mọi yêu cầu đề ra. Về việc làm Công ty hàng năm được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, bằng nguồn vốn được trích trong giá thành của sản phẩm tiêu thụ và được quản lý tập trung tại TKV để thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của TKV, do vậy nhìn chung có đủ việc làm cho người lao động. Ngoài kế hoạch SXKD được TKV giao hàng năm, công ty còn tổ chức các dịch vụ về địa chất khác để tăng nguồn thu cho doanh nghiệp.

Công ty đã đầu tư được nhiều trang thiết bị hiện đại, giúp giảm thiểu tối đa sức người lao động, giúp tăng năng suất hoạt động và mang lại sự đảm bảo an toàn cho người lao động. Ngoài ra trong quá trình hoạt động, Công ty cũng không ngừng nâng cao, cải tiến cơ sở vật chất giúp người lao động trong Công ty được làm việc trong môi trường tốt nhất và phát huy năng lực làm việc.

Các dự án Công ty đang thực hiện chủ yếu tập trung tại tỉnh Quảng Ninh, do đó Công ty có thuận lợi nhất định về địa bàn hoạt động.



### 8.3.2. **Khó khăn**

Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới.... vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước..... nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

Mặt khác, đơn giá trong công tác khảo sát thăm dò thường không được điều chỉnh kịp thời theo các chế độ chính sách mới và giá cả vật tư đầu vào thường có xu hướng ngày càng tăng, ảnh hưởng đến giá vốn và doanh thu thuần của Công ty, khiến Công ty khó có thể điều chỉnh giá vốn và doanh thu ở mức hợp lý, có lợi cho sự phát triển của Công ty.

## 9. **Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### 9.1 **Vị thế Công ty trong ngành**

Từ năm 1990, sau khi tách chuyển Liên đoàn địa chất 9 về Bộ Năng lượng và thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản thì gần như các đơn vị trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản và Khai thác khoáng sản không làm nhiệm vụ khảo sát thăm dò than. Toàn bộ nhiệm vụ này do Công ty Địa chất mỏ - TKV cùng một số đơn vị khảo sát thuộc Bộ Năng lượng đảm nhiệm. do đó, công ty Địa chất mỏ có hơn 50 năm kinh nghiệm trong khoan thăm dò than tại vùng Quảng Ninh, đồng bằng sông Hồng.

Trong hơn 50 năm đó, gần 550 báo cáo địa chất của Công ty là tài sản vô giá được kết tinh từ bàn tay, trí óc, mồ hôi của lớp lớp những người địa chất. Từ kết quả các phương án báo cáo đó, hàng loạt các mỏ mới được hình thành. Đây cũng là cơ sở tài liệu vững chắc để ngành Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển bền vững. Đặc biệt, trong 10 năm gần đây sản lượng khai thác than của Tập đoàn không ngừng tăng lên, việc đảm bảo tài nguyên cho TKV duy trì tốc độ tăng trưởng là nhiệm vụ quan trọng, do đó đòi hỏi chất lượng các phương án, báo cáo địa chất phải thật chính xác. Đồng thời, căn cứ vào kết quả thăm dò địa chất của Công ty tại bể than Đông Bắc, các mỏ Đèo Nai, Cọc Sáu, Núi Béo,... đã nâng được công suất khai thác hàng năm đáng kể.

Cùng với đó, trước yêu cầu cấp bách đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia mà TKV là một trong ba trụ cột, Công ty đã chủ động đề xuất và xây dựng đề án tìm kiếm thăm dò than dưới sâu mức -300 bể than Đông Bắc, được Thủ tướng chính phủ phê duyệt cho thực hiện giai



đoạn 1. Theo kết quả thu được ban đầu, dự báo tài nguyên dưới mức -300 bề than khoảng 4,553 tỷ tấn. Đây sẽ là tiền đề quan trọng để Tập đoàn xây dựng các mỏ mới và mở rộng phát triển các mỏ sâu hơn.

Trong lĩnh vực đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học tiên tiến, Địa chất mỏ đạt được nhiều thành tích. Từ năm 2001 đến nay, chỉ tiêu kế hoạch khảo sát thăm dò Tập đoàn giao cho Công ty hằng năm đều tăng. Để hoàn thành kế hoạch, Công ty đã trực tiếp chỉ đạo đổi mới công nghệ trong khoan thăm dò, chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học, đầu tư thiết bị khoan tiên tiến hiện đại với mục tiêu giảm chi phí giá thành mét khoan, tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện người lao động.

## 9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực khoan thăm dò than của Công ty phụ thuộc vào nhu cầu khai thác, sản xuất than của Tập đoàn và thị trường. Than là một ngành then chốt đối với nền kinh tế Việt Nam do đó Nhà nước trực tiếp chỉ đạo và điều tiết các hoạt động kinh doanh nhằm góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án về thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động. Bên cạnh đó tiếp tục bổ sung thăm dò và thăm dò mới các vùng than Bình Minh, Khoái Châu trên diện tích 85,5 Km<sup>2</sup> tỉnh Hưng Yên và dải than Đông Triều – Phả Lại.

Để đáp ứng nhu cầu trong nước góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nên ngành Than đã dự kiến đến năm 2015 đạt 50 – 55 triệu tấn, năm 2020: 50 – 60 triệu tấn, năm 2025: 70 – 75 triệu tấn. Định hướng phát triển nói trên là cần thiết, nhất là những năm tới khi các dự án nhiệt điện, sản xuất xi măng có công suất lớn đi vào hoạt động thì sức tiêu thụ của các mảng này cũng cần tới 14 – 15 triệu tấn than/năm.

Trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 35% tổng cầu). Theo quy hoạch phát triển ngành điện, Việt Nam sẽ phát triển thêm 3000 MW nguồn nhiệt điện than và tối thiểu 4500-5500 MW, nguồn nhiệt điện trong năm tiếp theo với dự kiến tốc độ tăng trưởng của điện khoảng 7,5% - 8%/1 năm cùng nhiều dự án về điện đang được triển khai.

Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hóa chất,... cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này mang lại dấu hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới và đó cũng là gián tiếp khẳng định nhu cầu khoan thăm dò địa chất nói chung và khoan thăm dò than nói riêng có điều kiện phát triển.



### 9.3 Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty đã đề ra hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành. Với những lợi thế phát triển riêng, với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên và đặc biệt là sự hỗ trợ từ Tập đoàn TKV, định hướng phát triển của Công ty cho các năm tới là hoàn toàn phù hợp.

## V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

### 1. Thông tin chung về công ty cổ phần

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ – TKV**
- Tên tiếng Anh : **VINACOMIN – MINING GEOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VMG**
- Địa chỉ : **Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh**
- Điện thoại : **033 371 5066**
- Fax : **033 371 5067**
- Website : [www.minegeology.vn](http://www.minegeology.vn)
- Logo



### 2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

- 1 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- 2 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- 3 Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
- 4 Khai thác quặng sắt
- 5 Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- 6 Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
- 7 Khai thác muối
- 8 Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- 9 Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- 10 Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- 11 Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng
- 12 Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan
- 13 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- 14 Sản xuất máy chuyên dụng khác



- 15 Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- 16 Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- 17 Khai khoáng khác chưa phân vào đâu
- 18 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
- 19 Xây dựng nhà các loại
- 20 Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- 21 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- 22 Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- 23 Dịch vụ phục vụ đồ uống
- 24 Dịch vụ liên quan đến in
- 25 Sửa chữa máy móc, thiết bị
- 26 Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- 27 Phá dỡ
- 28 In ấn
- 29 Sửa chữa thiết bị

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý và tổ chức sau cổ phần hóa

#### 3.1 Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự của Công ty sau cổ phần hóa

Xuất phát từ ngành nghề kinh doanh của Công ty, để Công ty hoạt động có hiệu quả, bộ máy quản lý gọn nhẹ, tiết kiệm, Công ty dự kiến cơ cấu tổ chức nhân sự của Công ty :

- Hội đồng quản trị : 5 người
- Ban kiểm soát : 3 Người
- Ban điều hành : 6 người
- + Giám đốc : 1 người
- + Phó giám đốc : 4 người
- + Kế toán trưởng : 1 người
- Các phòng ban chức năng
  - + Văn phòng (tên viết tắt là VP);
  - + Phòng Tổ chức nhân sự (tên viết tắt là TCNS);
  - + Phòng Tài chính kế toán (tên viết tắt là TCKT);
  - + Phòng Kế hoạch thống kê (tên viết tắt là KHTK);
  - + Phòng Vật tư (tên viết tắt là VT);
  - + Phòng Đầu tư (tên viết tắt là ĐT);
  - + Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán (tên viết tắt là TBK);

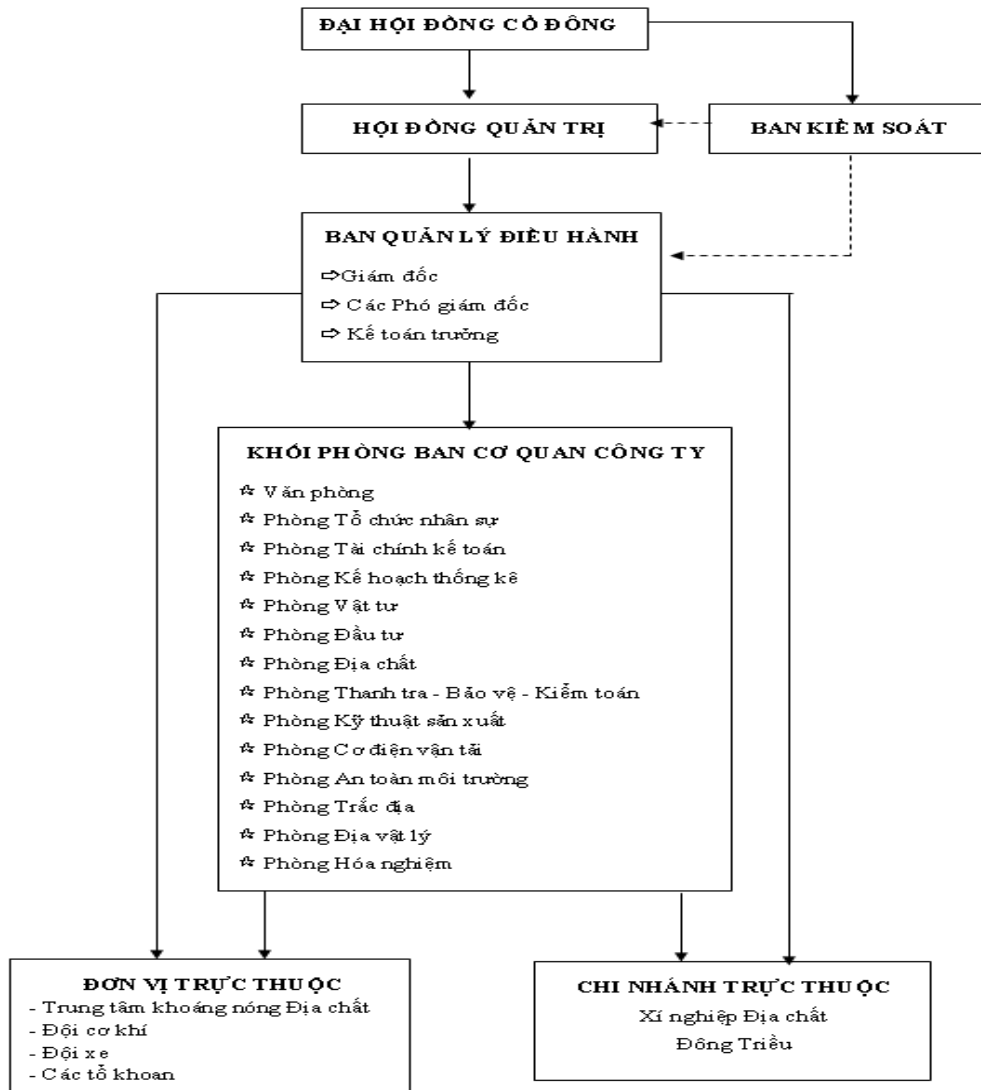


- + Phòng Cơ điện vận tải (tên viết tắt là CDVT);
- + Phòng Kỹ thuật sản xuất (tên viết tắt là KTSX);
- + Phòng An toàn - Môi trường (tên viết tắt là ATMT);
- + Phòng Địa chất (tên viết tắt là ĐC): vừa làm nội nghiệp và ngoại nghiệp
- + Phòng Trắc địa (tên viết tắt là TĐ): Tham gia trực tiếp sản xuất
- + Phòng Địa vật lý (tên viết tắt là ĐVL): Tham gia trực tiếp sản xuất
- + Phòng Hóa nghiệm (tên viết tắt là HN): Tham gia trực tiếp sản xuất
  
- Các đơn vị trực thuộc
  - + Trung tâm Khoáng nóng địa chất
  - + Đội cơ khí
  - + Đội xe
  - + Các tổ khoan
    - Chi nhánh trực thuộc
      - + Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

### 3.2 Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY SAU KHI CỔ PHẦN HÓA**



(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV)

❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những





người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm có một Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật và các Phó Giám đốc giúp việc, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Giám đốc và Phó Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

❖ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

✓ **Văn phòng (VP)**

- Văn phòng Công ty là bộ phận tham mưu, giúp việc của Giám đốc, lãnh đạo Công ty, thực hiện chức năng tổng hợp, điều phối của các phòng ban, Chi nhánh trực thuộc và các tổ, đội trực tiếp sản xuất theo chương trình, kế hoạch công tác của Công ty;
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ hành chính quản trị và văn phòng Giám đốc

✓ **Phòng Tổ chức nhân sự (TCNS)**

- Tham mưu về các lĩnh vực: Tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương; chế độ chính sách đối với người lao động.
- Quản lý và thực hiện nghiệp vụ tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương.
- Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh dịch trong toàn Công ty.

✓ **Phòng Tài chính kế toán (TCKT)**

- Tham mưu về lĩnh vực tài chính - Kế toán, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty



- Chuẩn bị đủ nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty
- Tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật
- ✓ **Phòng Kế hoạch - Thống kê (KHTK)**
  - Tham mưu công tác kế hoạch - thống kê và Quản trị chi phí;
  - Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và kế hoạch Kinh tế - Xã hội hàng năm của toàn Công ty;
  - Tổng hợp, xử lý số liệu thống kê, thực hiện kế hoạch SXKD; Lập báo cáo thống kê định kỳ và các báo cáo thống kê khác theo yêu cầu; Phân tích hoạt động kinh tế.
- ✓ **Phòng Vật tư (VT)**
  - Tham mưu xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm về công tác vật tư, đáp ứng yêu cầu phục vụ SXKD của Công ty;
  - Cung cấp kịp thời các chủng loại vật tư cho Chi nhánh và các tổ đội trực tiếp quản lý;
  - Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý, sử dụng vật tư theo quy định của TKV và quy định nội bộ Công ty
  - Thực hiện quản lý định mức sử dụng vật tư và công tác nghiệp vụ vật tư theo quy định
- ✓ **Phòng Đầu tư (ĐT)**
  - Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định
  - Chủ động đề xuất các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch năm và dài hạn.
  - Triển khai thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  - Quản lý và thực hiện công tác nghiệp vụ đầu tư và xây dựng cơ bản theo quy định.
- ✓ **Phòng Kỹ thuật sản xuất (KTSX)**
  - Tham mưu trong việc quản lý tổng hợp và chỉ đạo thực hiện công tác kỹ thuật thi công các công trình khảo sát, thăm dò địa chất;
  - Chỉ đạo Chi nhánh thực hiện các đề án thi công, các công trình theo thiết kế kỹ thuật đó được duyệt.
  - Tổng hợp tình hình thi công các công trình khoan, chủ động cân đối vị trí, khối lượng chuẩn bị thi công theo tháng, quý, năm báo cáo và đề xuất kịp với Lãnh đạo Công ty.
- ✓ **Phòng Địa chất (ĐC)**



- Tham mưu trong việc quản lý, điều hành và thực hiện công tác khảo sát, thăm dò địa chất;
  - Tổ chức thành lập các Đề án/Phương án; Báo cáo điều tra đánh giá, thăm dũ địa chất khoáng sản.
  - Tham gia chỉ đạo sản xuất địa chất, cập nhật và quản lý tài liệu địa chất nguyên thủy phục vụ công tác tổng hợp lưu trữ.
  - Quản lý, sử dụng tài liệu lưu trữ địa chất, bảo tàng địa chất phục vụ sản xuất và nghiên cứu địa chất của Công ty.
  - Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tin học vào công tác chuyên môn, thành lập cơ sở dữ liệu địa chất, nâng cao chất lượng tài liệu và năng suất lao động.
- ✓ **Phòng Trắc địa (TĐ)**
- Tham mưu trong việc quản lý điều hành công tác khảo sát đo đạc trắc địa;
  - Trực tiếp điều hành công tác đo đạc, tính toán và báo cáo công tác kiểm kê tài nguyên than hàng quý; Kiểm tra khối lượng mỏ hàng năm theo kế hoạch cấp trên giao.
  - Đo phóng các công trình khoan, địa chất phục vụ sản xuất theo yêu cầu của Công ty.
- ✓ **Phòng Cơ điện vận tải (CĐVT)**
- Tham mưu trong công tác quản lý, vận hành thiết bị cơ điện vận tải, bao gồm: Thiết bị cơ điện, hệ thống cung cấp điện; thiết bị xe máy; công tác gia công, sửa chữa cơ khí, cơ điện
- ✓ **Phòng An toàn - Môi trường (ATMT)**
- Tham mưu giúp trong việc quản lý chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường (ATVSLĐ - BVMT) đến các đơn vị trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Là cơ quan chức năng giúp Lãnh đạo Công ty trong quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử phạt các vi phạm về ATVSLĐ - BVMT trong phạm vi toàn Công ty.
- ✓ **Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán (TBK)**
- Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán giúp Lãnh đạo Công ty quản lý và thực hiện công tác Thanh, kiểm tra, bảo vệ, quân sự, kiểm toán nội bộ và pháp chế.
- ✓ **Phòng Hóa nghiệm (HN)**
- Phòng Hóa nghiệm giúp Lãnh đạo Công ty quản lý và thực hiện công tác hóa phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật cơ lý, hóa học các loại mẫu



- Quản lý lưu trữ mẫu; Cơ sở dữ liệu hoá nghiệm- phân tích mẫu; Hồ sơ tài liệu kỹ thuật, các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình quy phạm hoá nghiệm - phân tích mẫu.
- Phân tích các chỉ tiêu cơ lý, hoá học các loại mẫu than, đất đá và khoáng sản khác trong nội bộ và bên ngoài Công ty, đảm bảo chất lượng và thời gian yêu cầu.
- Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, hoá học các loại mẫu than, đất đá và khoáng sản khác phục vụ cho quá trình điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và hiện đại vào việc phân tích mẫu.

✓ **Phòng Địa vật lý (ĐVL)**

- Tham mưu trong việc quản lý, điều hành công tác đo Địa Vật lý các công trình thăm dò địa chất trong nội bộ và các đơn vị ngoài Công ty;
- Quản lý và sử dụng các thiết bị đo Địa Vật lý đảm bảo an toàn và hiệu quả .
- Quản lý và sử dụng các nguồn phóng xạ an toàn và hiệu quả theo quy định của Nhà nước (Luật Năng lượng Nguyên tử) .

❖ **Các đơn vị trực thuộc**

✓ **Đội xe (ĐX)**

Là đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe và điều phối xe theo yêu cầu sản xuất và công tác của Công ty.

✓ **Đội cơ khí (ĐCK)**

Đội Cơ khí là đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện chức năng sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất trong Công ty

✓ **Trung tâm Khoáng nóng địa chất (TTKNĐC)**

Trung tâm Khoáng nóng địa chất là đơn vị hạch toán cấp phân xưởng trong cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện chức năng nhiệm vụ chăm sóc, điều dưỡng tập trung, gồm: Tắm nước khoáng nóng, vật lý trị liệu và các nội dung kinh doanh khác theo giấy phép kinh doanh.

✓ **Các tổ khoan**

- Là đơn vị trực tiếp thi công các công trình khoan ngoài thực hiện theo yêu cầu sản xuất của Công ty.
- Quản lý và sử dụng hợp lý các thiết bị tài sản được giao và thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, vật tư trong việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các loại thiết bị được giao.



- Nhận các chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng, thiết bị, lao động, vật tư... do Công ty giao. Đảm bảo và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

#### 4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa

##### ❖ Vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa nhằm đạt được mục tiêu đã định, vốn điều lệ của Công ty dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ công ty cổ phần : 108.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 10.800.000 cổ phần
- Loại cổ phần : cổ phần phổ thông
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

##### ❖ Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Quyết định số 314/QĐ/TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, theo đó đối với Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV thì TKV nắm giữ trên 50% đến 65% vốn điều lệ. Do đó, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

**Bảng 14. Cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa**

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	5.508.000	55.080.000.000	51%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo năm công tác	987.660	9.876.600.000	9,15%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài	277.540	2.775.400.000	2,57%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	4.026.800	40.268.000.000	37,28%
	<b>Cộng</b>	<b>10.800.000</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

##### ❖ Kế hoạch tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển sang công ty cổ phần

Trong 03 năm đầu sau cổ phần hóa, Công ty không tăng vốn điều lệ

#### 5. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau cổ phần hóa

##### 5.1 Mục tiêu, định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV là đơn vị thành viên của Tập đoàn TKV, Chủ sở hữu là Tập đoàn TKV, Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ



chức và hoạt động của Công ty được ban hành kèm theo quyết định số 2476/QĐ-TKV ngày 19/11/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Tập đoàn TKV, trên cơ sở Hợp đồng phối hợp kinh doanh được ký giữa Tập đoàn TKV và Công ty hàng năm. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu của Công ty là thực hiện nhiệm vụ khảo sát, thăm dò để phục vụ các dự án khai thác than theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn TKV. Ngoài ra Công ty còn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SXKD khác như các dịch vụ địa chất, trắc địa, dịch vụ ngâm tẩm khoáng nóng....

Năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV về nhiệm vụ khảo sát, thăm dò theo kế hoạch được giao. Năm 2014 theo kế hoạch hướng dẫn của Tập đoàn TKV, Công ty Địa chất mở đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, trình Tập đoàn TKV tại văn bản số: 145/TTr-ĐCM, ngày 13/3/2014. kế hoạch SXKD giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng trên cơ sở:

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD các năm 2011; 2012; 2013; 2014 dự kiến thực hiện năm 2015 của giai đoạn kế hoạch 2011 - 2015 chuyển sang cần phải thực hiện tiếp;

- Quyết định số: 60/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt qui hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030;

- Khối lượng KSTD giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 còn được xây dựng trên cơ sở các nhu cầu, nhiệm vụ cần phải thăm dò bổ sung, thăm dò khai thác của các Công ty sản xuất than và năng lực về lao động, thiết bị hiện có của Công ty.

Mức tăng trưởng dự kiến hàng năm từ 3-5%. Tổng khối lượng khoan thăm dò giai đoạn 2016 - 2018 là: 355.000 mét khoan; Doanh thu: 1.390.400 tr.đồng.

a. Nhiệm vụ thăm dò địa chất giai đoạn 2016 - 2018 chủ yếu tập trung vào các nhiệm vụ: Tiếp tục thi công các Đề án còn lại của giai đoạn 2011 - 2015 và thực hiện tiếp các đề án:

- Đề án TD mở Bảo Đài I, II (nếp lồm Bảo Đài)
- Đề án TD mở Bảo Đài III (nếp lồm Bảo Đài)
- Đề án TD mở Đông Triều - Phả Lại I, II, III, IV
- Đề án TD mở Cuộc Bê
- Đề án TD mở Đông Quảng Lợi
- Đề án TD Bể than Đồng Bằng Sông Hồng
- Các phương án thăm dò phục khai thác của các đơn vị sản xuất than.



b. Công tác khảo sát đo đạc địa hình kế hoạch 5 năm tiếp tục đo đạc các khu mỏ mới, đo đạc bổ sung bản đồ địa hình các khu mỏ đang khai thác; Ngoài ra còn thực hiện đo đạc kiểm tra khối lượng đất đá, than khai thác lộ thiên, đo quản trị tài nguyên ở các mỏ lộ thiên và hầm lò, đo kiểm tra tồn kho than đầu năm và cuối năm.

c. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh khác: Hoàn thiện cơ sở vật chất dự án khu đập nước Đá Chông, để tăng doanh thu từ 7- 10% năm. Trong kế hoạch 5 năm gồm các dịch vụ địa chất, trắc địa, ngoài nhiệm vụ Tập đoàn TKV giao; Các dịch vụ khoáng nóng, dịch vụ địa chất khác với doanh thu hàng năm từ 25.000 - 35.000 tr.đồng; Trong đó:

- Dịch vụ địa chất, trắc địa: Có giá trị từ trên 10 – 20 tỷ đồng/ năm; Dịch vụ & Du lịch Địa chất, khoáng nóng: từ 10 – 15 tỷ đồng/ năm.

## 5.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty 3 năm sau cổ phần hóa

**Bảng 15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty 3 năm sau cổ phần hóa**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1.	Kế hoạch ĐTXDCB	Tr.đồng	25.381	54.173	44.000	47.500
2.	Vốn điều lệ	Tr.đồng	90.000	108.000	108.000	108.000
3.	Tổng số lao động	người	1.194	1.200	1.210	1.215
4.	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	102.500	114.036	118.295	122.222
5.	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	1000đ/ng/th	7.154	7.919	8.147	8.382
6.	Các sản phẩm chủ yếu (Khoan thăm dò)	mét	112.000	115.000	118.000	122.000
7.	Tổng doanh thu	Tr.đồng	410.000	446.800	463.900	479.300
8.	Tổng chi phí	“	405.000	436.800	453.400	468.300
9.	Lợi nhuận thực hiện	“	5.000	10.000	10.500	11.000
10.	Tỷ lệ cổ tức			5,0	5,5	6,0

(Nguồn: Trích Phương án CPH của Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

## 5.3 Các giải pháp thực hiện để đạt được kế hoạch:

- Tập trung chỉ đạo SXKD theo nội dung chương trình hành động, Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết Hội nghị Người lao động năm 2015, nhằm thực hiện tốt nhất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2015.

- Tích cực đổi mới công tác quản lý, hoàn thiện công nghệ thi công thăm dò trong các vùng khó khăn như khoan qua tầng đá thải lớn, qua lò, trượt tầng, sập lở mất nước.....mở rộng



các loại hình dịch vụ kỹ thuật, phục vụ yêu cầu về quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác tài nguyên, khoáng sản của TKV.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư, áp dụng công nghệ mới, hiện đại, phù hợp nhằm không ngừng nâng cao năng suất khoan thăm dò, đặc biệt trong điều kiện địa tầng phức tạp khó khăn.

- Đặc biệt cần tăng cường đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật và các biện pháp đảm bảo an toàn. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên để phát hiện, ngăn ngừa nguy cơ xảy ra sự cố công trình, sự cố thiết bị, tai nạn lao động, hậu quả do mưa bão gây ra, đảm bảo sản xuất an toàn.

- Thực hiện đúng tiến độ các đề án thăm dò, hoàn thành các báo cáo địa chất với chất lượng có độ tin cậy cao để phục vụ các dự án khai thác than trước mắt và lâu dài theo quy hoạch phát triển ngành than TKV; Thực hiện tốt công tác chuẩn bị trước khi thi công các công trình địa chất, giảm thiểu thời gian chờ đợi ngừng nghỉ của các tổ máy.

- Thực hiện tốt quy chế ĐTXDCB do nhà nước, Tập đoàn ban hành, đặc biệt thực hiện tốt trình tự đầu tư, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao.

- Tiếp tục hoàn thiện tốt hơn nữa công tác khoán, quản trị chi phí ở tất cả các hoạt động SXKD từ bộ phận trực tiếp đến gián tiếp, trên tinh thần tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm; Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện việc sắp xếp bố trí lao động hợp lý sau khi thực hiện xong kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò và dịch vụ du lịch địa chất trong và ngoài Tập đoàn, để không ngừng tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

- Quan tâm thiết thực ngày một tốt hơn đến cơ sở vật chất nơi làm việc và đời sống sinh hoạt của người lao động, nhất là những đối tượng là lao động trực tiếp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, thi đua hăng say lao động, với mục tiêu tăng năng suất lao động, chất lượng tốt và hiệu quả kinh tế cao.

## **VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HÓA**

### **Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa**

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính giả sử tất cả số cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

**Bảng 16. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa như sau**





STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	<b>108.000.000.000</b>
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	<b>108.192.036.699</b>
3	Tiền thu từ cổ phần hoá :	<b>48.969.360.000</b>
3.a	- Từ bán cổ phần ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV	5.925.960.000
3.b	- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty	2.775.400.000
3.c	- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công	40.268.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBCNV, bán đấu giá = (3.a)/0,6 + (3.b) + (3.c)	<b>52.920.000.000</b>
5	Chênh lệch giữa vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN và vốn điều lệ tại công ty cổ phần(5) = (2) – (1)	<b>192.036.699</b>
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện (*)	<b>499.935.000</b>
7	Chi phí giải quyết đối với lao động dôi dư	<b>1.309.285.160</b>
8	<b>Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (3)-(5)-(6)-(7)</b>	<b>47.352.176.539</b>

(Nguồn: Trích Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV)

(\*) Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

## VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1 Tăng trưởng kinh tế

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm, bình quân đạt 6,6%/năm giai đoạn 2000 - 2010; 5,44%/năm giai đoạn 2010 - 2013. Trong thời gian này, Chính phủ chủ yếu tập trung nhiều vào phát triển ngành công nghiệp – dịch vụ. Do đó, các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản cũng giành được nhiều sự quan tâm từ các ban, ngành địa phương và Tập đoàn để đảm bảo việc tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nhất là khi các nhà máy nhiệt điện ngày càng nhiều, nhu cầu về than của các nhà máy điện tăng cao.

Năm 2014, GDP đã tăng khoảng 5,98% – cao hơn mức tăng 5,42% năm 2013 và 5,25% năm 2012. Báo cáo của Tổng cục thống kê cho biết, cơ cấu nền kinh tế năm nay tiếp tục theo hướng tích cực: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,12%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,50%; khu vực dịch vụ chiếm 43,38% (Cơ cấu tương ứng của năm 2013 là: 18,38%; 38,31%; 43,31%). Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong năm tới bởi những tác động thiếu tích cực từ nền kinh tế



chung của thế giới, khi các nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Những yếu tố này đều ảnh hưởng tới đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đồng thời tác động đến cán cân thương mại và lạm phát trong nước. Bên cạnh đó, nợ xấu của doanh nghiệp đặc biệt là của các doanh nghiệp khu vực nhà nước cũng là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế trong năm 2015.

## 1.2 Lạm phát

Nếu như, tình trạng lạm phát của nền kinh tế luôn cao và biến động mạnh qua các năm gần đây với đỉnh điểm ở mức 22,97% năm 2008 thì năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng thấp nhất trong 13 năm trở lại đây. CPI cả năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013, thấp hơn hẳn so với kế hoạch 7% mà Nghị quyết chính phủ đã đề ra. Nguyên nhân do sức cầu của nền kinh tế còn yếu, giá xăng dầu giảm mạnh nhiều lần vào những tháng cuối năm, tăng trưởng tín dụng còn khá thấp.... Theo dự báo của một số cơ quan thông tin, kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, giá dầu giảm kéo dài, chính sách tiền tệ không có nhiều đột biến và chính sách tài khóa tiếp tục được thắt chặt do nợ công đã khá cao (60,3% GDP), giá cả nhiều mặt hàng không có nhiều biến đổi, do đó, chỉ số CPI năm 2015 có thể tiếp tục ở mức thấp. Trong 6 tháng đầu năm 2015 chỉ số CPI chỉ tăng 0,86% so với cùng kỳ năm trước và có tốc độ tăng tương đối thấp kể từ năm 2001 lại đây: Bình quân mỗi tháng CPI chỉ tăng 0,1%; Sau 6 tháng CPI tăng 0,55% so với cuối năm 2014, như vậy nếu không có những đột biến trong 6 tháng cuối năm, chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 sẽ đạt được mục tiêu đề ra của Quốc hội. Khi CPI giữ được ở mức ổn định, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, các doanh nghiệp có thêm cơ hội tiếp cận với nguồn vốn vay tín dụng, mở rộng sản xuất, giảm giá thành, kích thích nhu cầu tiêu dùng.

Lạm phát thấp có thể tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài, giúp thị trường tiền tệ ổn định, khuyến khích hoạt động sản xuất, đồng thời giảm thiểu chi phí đầu vào của Công ty, giúp Công ty có điều kiện tăng trưởng lợi nhuận.

## 1.3 Lãi suất

Năm 2014, diễn biến của lãi suất khá tương thích với biến động của lạm phát và các yếu tố khác của nền kinh tế. Sau hai lần điều chỉnh lãi suất vào tháng 3/2014 và tháng 10/2014, hiện nay, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế từ 8%/năm xuống chỉ còn 7%/năm, đồng thời NHNN kêu gọi các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Lãi suất cho vay trong 6 tháng đầu năm 2015 giảm khoảng 0,2-0,3%/năm, hiện phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay tại các ngân hàng giảm giúp Công ty tiết kiệm thêm một khoản chi phí lãi vay, từ đó giúp tăng lợi nhuận.

Như vậy, với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006, chi phí lãi vay của doanh nghiệp có cơ hội giảm. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu



và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ dễ dàng hơn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2015 sắp tới.

## 2. **Rủi ro về pháp luật**

Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật bảo vệ môi trường... Theo dự kiến, các sắc luật này sẽ tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

## 3. **Rủi ro đặc thù**

### **Rủi ro địa chất**

Lĩnh vực khoan thăm dò phụ thuộc rất lớn vào điều kiện địa chất, đây là yếu tố quyết định nhiều tới tiến độ công việc. Các dự án khoan, thăm dò than, khoáng sản công ty thực hiện phần lớn nằm ở khu vực có địa lý phức tạp, vùng miền núi đòi hỏi phải khoan xuống sâu và phụ thuộc nhiều ở yếu tố khí hậu, môi trường, địa chất, địa lý. Mặc dù điều này được khắc phục phần nào khi những thiết bị của công ty đang sử dụng công nghệ lấy mẫu bằng bộ ống mẫu luôn. Bên cạnh đó, theo yêu cầu của Tập đoàn, công ty vẫn tiến hành dự án thăm dò ở một số địa bàn thuộc đồng bằng sông Hồng. Tại những địa bàn này tình hình sụt lún hoàn toàn có thể xảy ra đòi hỏi sự cẩn trọng trong khâu thực hiện của công nhân và sự giám sát chặt chẽ của cán bộ kỹ thuật.

### **Rủi ro ô nhiễm môi trường**

Đặc thù của hoạt động khoan thăm dò khoáng sản là tác động nhiều đến yếu tố môi trường xung quanh. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò than nên các vấn đề liên quan đến xử lý bụi, khí thải, nguồn nước và các ảnh hưởng khác luôn được công ty chú trọng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của Nhà nước.

Tất cả các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt đều được công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, từ việc giám sát, quản lý chất thải, nộp phí bảo vệ môi trường đến chế độ báo cáo thông tin đều được công ty thực hiện đầy đủ. Công ty cũng



liên tục cải tiến máy móc kỹ thuật nhằm tăng năng suất, giảm thiểu tối đa độc hại cho môi trường.

#### 4. **Rủi ro của đợt chào bán**

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Chính vì vậy việc bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn bất lợi nhất định.

Tuy nhiên dựa trên cơ sở thương hiệu, uy tín đã được khẳng định trên thị trường của Công ty trong những năm qua và khả năng phát triển của Công ty trong thời gian tới cùng với sự hậu thuẫn của Tập đoàn, khả năng thành công của đợt chào bán có thể tăng lên đáng kể.

#### 5. **Rủi ro khác**

Ngoài các loại rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: Rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị xã hội.

### **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:**

#### 1. **Chủ sở hữu vốn Nhà nước**

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3825 3536 - Fax: (04) 3824 3126

#### 2. **Tổ chức phát hành**

Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV

Địa chỉ trụ sở chính: số 304 đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: (033) 3715 066 - Fax: (033) 3715 067

#### 3. **Tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà HL, 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy Hà Nội

Điện thoại: 04 3755 7446 Fax: 04 3755 7448

#### 4. **Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng**

Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Địa chỉ: Tầng 6, Số 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3728 0921 - Fax: (04) 3728 0920



## **IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

- a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trên nếu Công ty đáp ứng đủ các điều kiện về công ty đại chúng và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán.





Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ  
TẠI CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**



**Nguyễn Văn Hải**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV  
ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**



**Nguyễn Văn Dậu  
Chủ tịch Công ty**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**



**Nguyễn Việt Cường  
Phó Tổng giám đốc**